BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7067 /BC-BNN-KTHT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021*

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ Báo cáo đánh giá tác động chính sách Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước

Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã xác định: Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài.

Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ đã xác định, tầm nhìn đến năm 2030: "Phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả và năng lực cạnh tranh; cải thiện và ngày càng nâng cao đời sống nông dân, xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại".

Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2020 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó mục tiêu tổng quát "Đến năm 2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực ASEAN về công nghiệp, trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu".

Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Theo đó, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn: đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp, phát triển công nghiệp, ngành nghề dịch vụ nông thôn nhằm nâng cao

hiệu quả lao động, tăng thu nhập, chất lượng đời sống người dân khu vực nông thôn.

Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tiếp tục giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản này.

Quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước với tầm nhìn đến năm 2030 và năm 2045 về một quốc gia công nghiệp, với một nền nông nghiệp hiện đại, cơ giới hóa đồng bộ sản xuất nông nghiệp có vai trò to lớn trong việc thay đổi căn bản phương thức sản xuất từ thủ công sang chủ yếu bằng máy móc và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất hàng hóa.

Vì vậy, việc xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp theo Công văn số 735/TTg-NN ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là rất cần thiết, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

b) Các chính sách phục vụ nông nghiệp, nông thôn mới được Chính phủ ban hành từ năm 2017 đến nay

Kể từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, đến nay, Chính phủ đã ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn, cụ thể:

- Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối; theo đó tổ chức hộ gia đình, cá nhân đầu tư kho chứa muối, máy thiết bị sản xuất, dây chuyền máy, thiết bị chế biến muối được hỗ trợ vay vốn và lãi suất vốn vay.

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, theo đó các dự án chế biến nông, lâm thủy sản; chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp; sản xuất chế biến muối; sản phẩm từ phế phụ phẩm nông nghiệp được hỗ trợ mức tối đa 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, dự án liên kết được ngân sách hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 25/7/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Đối tượng, phạm vi và hỗ trợ của các chính sách trên chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, các cơ chế, chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn trên đã đề cập đến bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối. Đối với Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp quy định về nội dung, tiêu chí và chính sách khuyến khích cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, cụ thể: Đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp là việc áp dụng đồng bộ các loại máy, thiết bị, công nghệ phù hợp với nguồn nhân lực được đào tạo, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, tổ chức sản xuất và kết cấu hạ tầng kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; đồng bộ theo chuỗi liên kết là việc áp dụng cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp gắn với một trong các khâu: vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp *(từng phân khúc của chuỗi liên kết)* hoặc toàn bộ chuỗi liên kết từ sản xuất, vận chuyển, sơ chế, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm thì chưa được đề cập tại các chính sách trên.

c) Hiện trạng cơ giới hóa nông nghiệp

* Kết quả cơ giới hóa nông nghiệp [1]:

- Trang bị động lực, số lượng, chủng loại máy, thiết bị nông nghiệp tăng nhanh, nhiều loại máy, thiết bị được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp. Đến nay, trang bị động lực bình quân trong sản xuất nông nghiệp cả nước đạt khoảng 3,3 mã lực/ha canh tác.

- Một số khâu trong sản xuất nông nghiệp có mức tăng trưởng khá, tỷ lệ cơ giới hóa cao:

+ *Về lĩnh vực trồng trọt,* khâu làm đất (lúa đạt 95%, mía đạt trên 90%, ngô đạt 70%, chè đạt 70%, vùng rau chuyên canh đạt gần 90%), khâu chăm sóc, bảo vệ thực vật lúa và các cây trồng khác đạt khoảng 70%; khâu thu hoạch (lúa đạt 70%, chè đạt 40%)…;

---

[1]Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Hội nghị trực tuyến về "Thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp" do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phú trủ trì ngày 21/02/2020;

+ *Về lĩnh vực chăn nuôi,* tại các trang trại quy mô lớn cơ giới hóa chuồng trại và cung cấp thức ăn, nước uống đạt trên 90%, xử lý môi trường đạt 30%; hộ chăn nuôi trâu, bò đã đầu tư máy thái cỏ đạt 60%; hộ chăn nuôi bò sữa sử dụng máy vắt sữa đạt khoảng 75%;

+ *Về lĩnh vực lâm nghiệp,* có tới 70% khối lượng công việc được làm bằng thủ công, áp dụng cơ giới hóa chỉ được thực hiện hai khâu chặt hạ và vận chuyển, còn nhiều khâu sản xuất quan trọng chiếm tỷ lệ khối lượng công việc lớn như trồng, chăm sóc và bốc xếp thì tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa đạt thấp;

+ *Về lĩnh vực thủy sản,* các máy móc cơ giới hóa đã ứng dụng gồm máy kiểm tra nhiệt độ nước, máy thu hoạch, các máy móc cho cơ sở hạ tầng ao nuôi,… Về đánh bắt hải sản, hiện trạng tàu công suất từ 90 CV trở lên là 34.563 chiếc, tổng công suất thiết kế đạt 13.480 nghìn CV.

- Về công nghiệp chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp: Đến nay, ngành cơ khí trong nước đã sản xuất được động cơ, máy kéo công suất đến 30 mã lực (HP), chiếm trên 30% thị phần trong nước; máy liên hợp gặt lúa chiếm 15%. Cả nước hiện có 7.803 doanh nghiệp cơ khí (có 95 doanh nghiệp có vốn trên 500 tỷ đồng); gần 100 cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp; gần 2.000 cơ sở chuyên sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành máy móc, thiết bị.

* Về chính sách hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp

- Giai đoạn 2004 - 2008: Từ năm 2004, Chính phủ cho phép các tỉnh hỗ trợ nông dân mua sắm máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp từ ngân sách của địa phương *(văn bản số 3095/VPCP-KTTH ngày 18/6/2004 của Văn phòng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho nông dân mua máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp).* Tính đến 2008, đã có 30 tỉnh, thành phố thực hiện chính sách hỗ trợ với cơ chế cho nông dân vay 70 - 80% tổng giá trị vốn vay với lãi suất ưu đãi, hoặc hỗ trợ từ 50 - 100% lãi suất tiền vay, thời gian trả vốn vay trong 03 năm. Qua 08 năm thực hiện (2001-2009) đã có hàng chục nghìn máy kéo, máy nông nghiệp đến được với bà con nông dân, góp phần đẩy nhanh quá trình cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp, đồng thời đã hướng dẫn, đào tạo được một bộ phận nông dân vận hành, sử dụng máy móc. Thị phần chế tạo máy kéo, máy nông nghiệp trong nước được mở rộng; chương trình thực hiện có sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp và Hội Nông dân Việt Nam.

- Giai đoạn 2009 - 2010: Thực hiện Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 và Quyết định số 2213/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ (chính sách kích cầu) về hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn. Thời hạn hỗ trợ lãi suất tối đa 24 tháng cho các hợp đồng tín dụng được ký kết và giải ngân từ tháng 01/2010 đến 31/12/2010 cho các sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện vận chuyển phục vụ chế biến nông nghiệp. Kết quả, đã cho vay theo Quyết định số 497/QĐ-TTg là 739 tỷ đồng trong đó 656,4 tỷ đồng mua máy móc, thiết bị cơ khí và phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp (85%). Quyết

định số 2213/QĐ-TTg đạt 1.560,14 tỷ đồng, trong đó 374,45 tỷ đồng là dư nợ cho vay với nhóm vật tư nông nghiệp. Khoảng 1.011.000 hộ gia đình và cá nhân ở khu vực nông thôn được hỗ trợ lãi suất. Năm 2009, các loại máy phục vụ làm đất tăng 65%, máy cắt lúa tăng 13% so với năm 2008.

- Giai đoạn 2010 - 2020: Xác định tầm quan trọng của việc áp dụng máy móc trong sản xuất nông nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 23/9/2009 về cơ chế chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp và cụ thể hóa bằng các Quyết định hỗ trợ nông dân mua sắm máy móc thiết bị của Thủ tướng Chính phủ như: Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg; Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg, trong đó có quy định mức độ nội địa hóa đối với các chủng loại máy móc được hỗ trợ là từ 60% trở lên.

Qua 02 năm triển khai thực hiện Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg, bước đầu đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của nông dân cả nước, nhất là vùng sản xuất lúa hàng hóa ở đồng bằng sông Cửu Long, tạo điều kiện khuyến khích, thúc đẩy các cơ sở cơ khí chế tạo máy trong nước đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu của sản xuất, như các cơ sở chế tạo máy GĐLH Phan Tấn (Đồng Tháp); Tư Sang 2 (Tiền Giang)... Đến 12/2013, tổng doanh số cho vay theo Quyết định 63/2010/QĐ-TTg và 65/2010/QĐ-TTg đạt 1.978 tỷ đồng cho 9.055 khách hàng.

Tuy nhiên, do máy móc chế tạo trong nước không đáp ứng đủ cả số lượng và chất lượng đối với yêu cầu của sản xuất, ngày 14/11/2013 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp thay thế 02 Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg, 63/2010/QĐ-TTg và bổ sung thêm các hạng mục được hỗ trợ. Theo đó, tổ chức, cá nhân được hưởng các chính sách ưu đãi khi mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp không phân biệt máy chế tạo trong nước và nhập khẩu.

Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg đã căn bản tháo gỡ được các nút thắt về chính sách, trong đó đáng kể nhất là nông dân, doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất 100% trong 2 năm đầu và 50% vào năm thứ ba để đầu tư mua sắm các máy móc phục vụ canh tác và giảm tổn thất sau thu hoạch; được ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.

Sau hơn 6 năm triển khai thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, các ngân hàng thương mại đã cho vay theo chương trình đạt hơn 12.000 tỷ đồng với gần 37.800 lượt khách hàng được vay vốn ngân hàng để mua sắm đầu tư trên 25.000 máy móc, thiết bị các loại phục vụ sản xuất nông nghiệp;mức độ tổn thất trong nông nghiệp bước đầu được thu hẹp, tổn thất sau thu hoạch lúa từ 13 – 15% hiện xuống còn 8-10%;

* Đánh giá chung:

Qua hơn 10 năm tổ chức triển khai thực hiện chủ trương của Chính phủ (Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 23/9/2009 của Chính phủ) về chính sách hỗ trợ, khuyến khích về cơ giới hóa nông nghiệp đã đạt một số kết quả sau:

- Mức độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng, nhiều loại máy móc, thiết bị được sử dụng trong nông nghiệp; nhiều khâu sản xuất có mức độ cơ giới hóa cao nhất là với sản xuất lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng khâu làm đất đạt gần 100%, thu hoạch lúa gần 90%.

- Cơ giới hóa nông nghiệp đã giải quyết khâu lao động nặng nhọc, tính thời vụ khẩn trương góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của một số nông sản góp phần tạo các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu hàng đầu thế giới.

- Thúc đẩy quá trình liên kết sản xuất, hình thành các tổ chức dịch vụ ở nông thôn.Nhiều mô hình liên kết doanh nghiệp với nông dân sản xuất trên cánh đồng lớn; các dịch vụ làm đất, cấy, phun thuốc bảo vệ thực vật, thu hoạch, sấy khô, cho thuê kho bảo quản được hình thành đạt hiệu quả cao.

- Chính sách hỗ trợ mua máy, thiết bị nông nghiệp cũng tạo điều kiện khuyến khích các cơ sở cơ khí chế tạo máy nông nghiệp trong nước đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, chế tạo các loại máy nông nghiệp (gặt đập liên hợp, thu gom rơm…). Tuy nhiên, khả năng cạnh tranh so với máy móc nhập khẩu còn nhiều khó khăn.

* Hạn chế, nguyên nhân:

- *Hạn chế:*

+ Chưa có chiến lược định hướng phát triển ổn định lâu dài, làm căn cứ để xây dựng các cơ chế, chính sách đồng bộ, hoạch định kế hoạch phát triển cơ giới hóa nông nghiệp;

+ Chưa có các quy định cụ thể về các tiêu chí đánh giá mức độ cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, chế biến nông sản; các chỉ số đánh giá hoạt động cơ giới hóa, chế biến nông sản.

+ Công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong sử dụng, vận hành máy, thiết bị nông nghiệp; chế biến nông sản hầu hết chưa được quan tâm, nguy cơ tiềm ẩn tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cao;

+ Mức độ cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp một số khâu đạt cao nhưng chưa đồng bộ, mới tập trung chủ yếu một số khâu như: làm đất, chăm sóc lúa, mía; thu hoạch lúa; một số khâu mức độ cơ giới hóa còn thấp như: cấy lúa, chăm sóc cây ăn quả, thu hoạch mía, cà phê. Trang bị động lực máy nông nghiệp Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực[2] ;

---

[2] Trang bị động lực bình quân Việt Nam đạt 3,3 HP/ha canh tác lúa (một số nước trong khu vực như: Thái Lan đạt 4 HP/ha, Hàn Quốc 10 HP/ha, Trung Quốc 8 HP/ha);

+ Trình độ trang bị máy động lực còn lạc hậu, thể hiện hầu hết các máy làm đất công suất nhỏ[3], chỉ thích hợp với quy mô hộ và đất manh mún (máy nhỏ chiếm trên 60%);

+ Cơ khí trong nước chưa đáp ứng nhu cầu máy, thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp về chủng loại, số lượng cũng như chất lượng máy (mới đạt khoảng 33% nhu cầu sản phẩm cơ khí); máy kéo, máy gặt lúa chủ yếu của KUBOTA; YANMAR Nhật Bản; Hàn Quốc; Trung Quốc; máy phun thuốc bảo vệ thực vật, máy gieo hạt, máy cắt cỏ chủ yếu của Honda Nhật Bản;

+ Cơ chế chính sách đã ban hành tương đối đầy đủ nhưng thực thi còn hạn chế, thiếu sự nhất quán, đồng bộ, đặc biệt về cơ chế tài chính do nguồn lực còn hạn chế[4];

+ Chính sách hỗ trợ nông dân mua máy sản xuất nông nghiệp (Quyết định 68/2013/QĐ-TTg) khả năng tiếp cận vốn vay của người dân còn hạn chế do người dân không có tài sản thế chấp. Cơ chế hỗ trợ tín đụng đầu tư phát triển cho các cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp không hấp dẫn các cơ sở đầu tư cơ khí;

+ Kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp chưa đồng bộ, đáp ứng cho nhu cầu phát triển cơ giới hoá, hiện đại hoá như: Đường giao thông liên vùng, liên xã, giao thông nội đồng; quy mô đồng ruộng còn nhỏ, phân tán, diện tích còn manh mún; hệ thống tưới, tiêu chủ động;

+ Máy và thiết bị nông nghiệp cơ bản đang được đầu tư theo quy mô hộ, hiệu suất sử dụng máy chưa cao, chưa hình thành các tổ chức dịch vụ cơ giới hóa chuyên nghiệp, các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa[5];

+ Chất lượng máy, thiết bị nông nghiệp chưa được kiểm soát, thả nổi; người sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp chưa qua đào tạo[6]; tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động trong sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp cao.

---

[3] Máy kéo công suất trên 35 CV chiếm 6,5%; từ 12-35 CV chiếm 48%; dưới 12 CV chiếm 45,5%.

[4] Tổng hợp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến nay, doanh số cho vay đạt trên 11.000 tỷ đồng cho khoảng 33.350 khách hàng vay, trong đó: Dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất đạt 3.877 tỷ đồng, chiếm hơn 98% tổng dư nợ cho vay chương trình; Dư nợ cho vay hỗ trợ chênh lệch lãi suất theo lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước đạt 68 tỷ đồng, chiếm gần 2% tổng dư nợ cho vay chương trình.

[5] Đến 31/12/2020 có 17.000 HTX nông nghiệp và 68 LH HTX (Trong đó có 6.046 HTX trồng trọt, 1.025 HTX chăn nuôi, 202 HTX lâm nghiệp, 964 HTX thủy sản, 31 HTX diêm nghiệp, 41 HTX nước sạch nông thôn, 7.549 HTX tổng hợp, 1.142 HTX và 02 LH HTX nông nghiệp yếu kém, đã ngừng hoạt động mà chưa giải thể; Đối với các doanh nghiệp cơ khí chế tạo, dịch vụ bán, sửa chữa, bảo hành hiện có gần 100 cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp, 1.267 cơ sở, trên 18.000 người chuyên kinh doanh; 1.218 cơ sở gần 15.000 người chuyên sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành máy móc, thiết bị trong đó khoảng 80% là các cơ sở tư nhân cung ứng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp.

[6] Đến nay, cả nước đã đào tạo được 2,84/3,0 triệu lao động nông thôn học nghề nông nghiệp (đạt 94,67% kế hoạch đề ra); số lao động có việc làm hoặc vẫn làm nghề cũ nhưng có thu nhập cao hơn sau khi được đào tạo là 2,79 triệu người (đạt 98,24% so với tổng số lao động được đào tạo); Số hộ gia đình có người tham gia học nghề thoát nghèo 65.515 hộ, số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhật khá 134.016 hộ; cả nước có khoảng 2.510 cơ sở tham gia công tác đào tạo; đã xây dựng được 140 khung chương trình, giáo trình và 32 kỹ năng nghề nông nghiệp. .

- *Nguyên nhân*

+ Chính sách và các giải pháp cơ giới hóa chưa đủ mạnh; trong triển khai thực hiện chưa đồng bộ, chưa được quan tâm đúng mức;

+ Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún trong một nền nông nghiệp mà các hộ nông dân vẫn là chủ thể sản xuất chính[7]. Trong đó, ruộng đất canh tác của mỗi hộ lại chia thành các thửa ruộng với độ phân tán nhất định, rất khó để cơ giới hóa có hiệu quả;

+ Quy trình sản xuất, kỹ thuật canh tác chưa đồng bộ, có sự khác biệt khá lớn giữa các vùng miền, cây, con.

Sự khác biệt trong quy trình, tập quán, quy mô sản xuất, yêu cầu nông sinh học của các cây trồng khác nhau, ở vùng miền khác nhau có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, đặt ra những yêu cầu đa dạng rất phức tạp đối với hệ thống máy và thiết bị nông nghiệp.

+ Khả năng đầu tư của chủ thể sản xuất cho cơ giới hóa nông nghiệp còn hạn chế.

Nông dân thu nhập còn thấp, thiếu vốn để đầu tư máy móc, thiết bị nông nghiệp. Trong khi đó, máy, thiết bị dùng trong nông nghiệp là những tài sản có vốn đầu tư ban đầu lớn so với các loại vật tư đầu vào khác như giống, phân bón. Rất ít hộ nông dân có khả năng mua sắm máy móc bằng vốn tự có.

Năng suất lao động nông nghiệp thấp (chỉ bằng 38,1% năng suất lao động chung của nền kinh tế).

Nhiều hộ làm dịch vụ cơ khí nông nghiệp chỉ có thể tự mua sắm được loại máy kéo cỡ vừa trở xuống và các máy công tác kèm theo, không đủ khả năng mua máy kéo cỡ lớn (trên 80 HP) và các liên hợp máy phức tạp để cấy lúa, thu hoạch cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày.

+ Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn chưa phát triển đồng bộ đáp ứng cho cơ giới hóa nông nghiệp.

Một trong những rào cản phát triển cơ giới hóa nông nghiệp là giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, hệ thống tiêu và thoát nước chưa phát triển tương ứng để tạo điều kiện thuận lợi cho di chuyển, ứng dụng máy móc nông nghiệp nhất là các máy móc làm đất cơ bản theo yêu cầu thâm canh, máy cấy nhiều hàng, các máy liên hợp thu hoạch, vận chuyển nông sản…

Nhằm đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất của từng vùng, nhất là đối với vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các ngành hàng có giá trị gia tăng cao theo hướng hiện đại, thông minh, hiệu quả và bền vững, thì rất cần thiết đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định về khuyến khích

---

[7] Theo số liệu tổng điều tra về nông thôn, nông nghiệp và thủy sản tại thời điểm 01/7/2016 cả nước có 8,5 triệu hộ nông nghiệp. Số hộ có quy mô dưới 0,2 ha/hộ chiếm gần 40%. Số hộ có quy mô dưới 1 ha/hộ chiếm tỷ lệ 88,3%. Nhóm hộ sử dụng từ 1-2 ha/hộ chiếm 7,7%.

phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp thay thế Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

d) Những điểm mới, điểm kế thừa và điểm khác biệt của các chính sách này so với Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

***** Điểm mới của dự thảo chính sách

- Về đối tượng ngoài các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp bổ sung thêm điểm mới là trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp nhằm thực hiện hoặc làm đầu mối liên kết các tổ chức, cá nhân cùng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp ở các địa phương, vùng, miền.

- Về máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp: Điểm mới của dự thảo chính sách bao gồm các loại máy, thiết bị, công nghệ thực hiện các hoạt động các khâu từ sản xuất giống; làm đất; gieo, trồng; tưới, tiêu; chăm sóc; thu hoạch; vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm; sử dụng phụ phẩm trồng trọt. Sản xuất giống; xử lý thực bì; làm đất; gieo, trồng; chăm sóc; khai thác; vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm; phòng cháy, chữa cháy; sử dụng phụ phẩm lâm nghiệp. Sản xuất giống; sản xuất thức ăn; chuồng trại (cung cấp nước, thức ăn, điều tiết tiểu khí hậu chuồng nuôi, vệ sinh, xử lý chất thải chăn nuôi); thu hoạch; vận chuyển; sơ chế; bảo quản; tiêu thụ sản phẩm; sử dụng phụ phẩm chăn nuôi. Sản xuất giống; sản xuất thức ăn; cấp, thoát nước; chăm sóc; thu hoạch; vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm; xử lý chất thải; sử dụng phụ phẩm nuôi trồng thủy sản. Đóng mới, bảo dưỡng tàu thuyền và ngư cụ; thăm dò, đánh giá ngư trường; chuẩn bị chuyến biển; đánh bắt, khai thác; phân loại sản phẩm; sơ chế, bảo quản trên tàu; bốc xếp sản phẩm lên bờ; sơ chế, chế biến, bảo quản trên bờ; tiêu thụ sản phẩm thủy sản. Quy hoạch hạ tầng sản xuất, chế biến, bảo quản; cấp nước, tiêu nước cho sản xuất muối; sản xuất và thu hoạch; gom muối trên đồng; vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến muối; tiêu thụ muối và các sản phẩm từ muối.

- Về chính sách hỗ trợ: Điểm mới của chính sách ngoài việc hỗ trợ cơ giới hóa từng khâu; còn khuyến khích hỗ trợ cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp phù hợp với nguồn nhân lực được đào tạo, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, tổ chức sản xuất và kết cấu hạ tầng kỹ thuật sản xuất nông nghiệp. Đồng bộ theo chuỗi liên kết giữa các khâu sản xuất nông nghiệp gắn với một trong các khâu: Vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hoặc toàn bộ chuỗi liên kết từ sản xuất, vận chuyển, sơ chế, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm hoặc toàn bộ các khâu của chuỗi liễn kết.

* Điểm kế thừa: Dự thảo chính sách kế thừa chính sách của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg là khuyến khích hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ

sản xuất nông nghiệp và các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp thông qua hỗ trợ vay vốn và hỗ trợ lãi suất ngân hàng.

* Điểm khác biệt của các chính sách:

- Về cơ chế hỗ trợ sau đầu tư: Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư trực tiếp cho tổ chức, cá nhân vay vốn mua máy móc, thiết bị và các đối tượng thực hiện dự án đầu tư đủ điều kiện hỗ trợ các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay theo cơ chế thương mại thông thường. Cơ chế này sẽ nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của tổ chức, cá nhân trong việc lựa chọn, đầu tư mua máy móc thiết bị, xây dựng dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp góp phần đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp, nâng cao hiệu quả thực hiện mục tiêu chính sách (Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg hỗ trợ trước đầu tư).

- Hỗ trợ phát triển các trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh yêu cầu cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và phát triển vùng (nếu có) được nhà nước đặt hàng.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Mục tiêu tổng thể:

+ Xây dựng các quy định pháp luật khuyến khích phát triển cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp, tạo ra diện mạo mới trong sản xuất nông nghiệp nhằm thay đổi một cách căn bản phương thức sản xuất từ thủ công sang cơ giới hóa với hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cao hơn góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

+ Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các chính sách khuyến khích, hỗ trợ có liên quan quy định tại Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Thủy sản, Luật Lâm nghiệp…

- Mục tiêu cụ thể:

Khuyến khích áp dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp; cơ giới hóa đồng bộ các khâu với kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tổ chức sản xuất; đào tạo nguồn nhân lực, an toàn lao động, vệ sinh lao động; đồng bộ theo chuỗi liên kết sản xuất, vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hình thành và phát triển các trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp góp phần tăng năng suất, nâng cao chất lượng nông sản, nâng cao thu nhập và tạo thêm việc làm cho lao động nông thôn.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Quy định về nội dung, tiêu chí dự án cơ giới hóa đồng bộ; đánh giá hoạt động cơ giới hóa nông nghiệp

a) Xác định vấn đề bất cập

Mức độ cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp một số khâu đạt cao nhưng chưa toàn diện, mới tập trung chủ yếu một số khâu như: làm đất, chăm sóc lúa, mía; thu hoạch lúa; một số khâu mức độ cơ giới hóa còn thấp như: cấy lúa, chăm sóc

cây ăn quả, thu hoạch mía, cà phê. Trang bị động lực máy nông nghiệp Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực[8]. Việc đánh giá hoạt động cơ giới hóa chưa có cơ sở, thống nhất, còn nhiều hạn chế, bất cập. Cần phải làm rõ nội hàm về các nội dung, tiêu chí đánh giá mức độ cơ giới hóa đồng bộ, trình độ và năng lực các cơ sở chế biến nông sản để từ đó có các chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển phù hợp, quản lý nhà nước có cơ sở, đồng bộ ngày càng hiệu quả hơn.

Chưa có các quy định cụ thể về các chỉ tiêuđánh giá mức độ cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, trình độ và năng lực các cơ sở chế biến nông sản.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo cơ sở pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm tính thống nhất, kịp thời điều chỉnh các chính sách phát triển thông qua các quy định về các nội dung, tiêu chí dự án cơ giới hóa đồng bộ; đánh giá mức độ cơ giới hóa và trình độ và năng lực công nghệ cơ sở chế biến nông sản;

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Đưa ra các quy định cụ thể về các nội dung, tiêu chí dự án cơ giới hóa đồng bộ làm sơ sở để hỗ trợ; đánh giá các hoạt động cơ giới hóa, trình độ và năng lực công nghệ cơ sở chế biến nông sản

Giải pháp 2: Giữ nguyên hiện trạng (Nhà nước không can thiệp bằng việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật).

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Có nội dung, tiêu chí để đánh giá các dự án cơ giới hóa đồng bộ; đánh giá mức độ cơ giới hóa; trình độ và năng lực công nghệ cơ sở chế biến nông sản làm cơ sở cho chính sách khuyến khích hỗ trợ dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, xây dựng và điều chỉnh chính sách phát triển theo từng giai đoạn trong suốt quá trình phát triển thông qua đánh giá các chỉ tiêu về cơ giới hóa nông nghiệp; đánh giá trình độ và năng lực công nghệ cơ sở chế biến nông sản.

+ Tiêu cực: Tăng ngân sách Nhà nước cho việc xây dựng phương pháp, nội dung, tiêu chí đánh giá mức độ cơ giới hóa; chỉ số trình độ và năng lực công nghệ cơ sở chế biến nông sản. Bố trí kinh phí xây dựng văn bản hướng dẫn, kiểm tra. Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2022-2025: 1.200 triệu đồng (bình quân 300 triệu đồng/năm).

---

[8] Trang bị động lực bình quân Việt Nam đạt 3,3 HP/ha canh tác lúa (một số nước trong khu vực như: Thái Lan đạt 4 HP/ha, Hàn Quốc 10 HP/ha, Trung Quốc 8 HP/ha);

- Tác động về giới: Quy định mang tính kỹ thuật, không hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đến hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Quy định thống nhất, tiêu chí để đánh giá các dự án cơ giới hóa đồng bộ; đánh giá mức độ cơ giới hóa; trình độ và năng lực công nghệ cơ sở chế biến nông sản làm cơ sở cho chính sách khuyến khích hỗ trợ dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ; Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, xây dựng và điều chỉnh chính sách phát triển theo từng giai đoạn trong suốt quá trình phát triển thông qua đánh giá các chỉ tiêu về cơ giới hóa nông nghiệp; đánh giá trình độ và năng lực công nghệ cơ sở chế biến nông sản.

+ Tiêu cực: Có thể có những thay đổi của chính sách mới cho phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay.

Giải pháp 2

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thời gian, nhân lực, không phát sinh chi phí để xây dựng và phổ biến những quy định mới cũng như thời gian tìm hiểu, áp dụng các quy định. Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2025: 0 đồng.

+ Tiêu cực: Do không có quy định cụ thể về các nội dung, tiêu chí đánh giá mức độ cơ giới hóa đồng bộ, việc đánh giá sẽ không thống nhất, đồng bộ ở các địa phương và cả nước; không khuyến khích việc áp dụng máy, thiết bị nông nghiệp.

- Tác động về giới: Không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động do không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động về hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

+ Tiêu cực: Không có cơ sở để thực hiện các nội dung, tiêu chí để đánh giá các dự án cơ giới hóa đồng bộ; đánh giá mức độ cơ giới hóa; trình độ và năng lực công nghệ cơ sở chế biến nông sản hoặc triển khai không hiệu quả nếu không quy định các tiêu chí đánh giá.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó các định thẩm quyền ban hành chính sách)

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và tác động đối với hệ thống pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn thực hiện theo giải pháp 1 nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản lý của nhà nước.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

2. Chính sách 2: Nâng cao hiệu quả công tác ATVSLĐ, an toàn kỹ thuật máy, thiết bị nông nghiệp

a) Xác định vấn đề bất cập

Mức độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng, nhiều loại máy móc, thiết bị được sử dụng trong nông nghiệp. Cùng với đó nguy cơ tiềm ẩn tai nạn lao động trong sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản ngày càng cao. Vì vậy, việc quản lý, nâng cao chất lượng máy, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản cần được quan tâm đúng mức. Thực tế hiện tại các loại máy, thiết bị nông nghiệp là sản phẩm, hàng hoá nhóm 1 được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất, kinh doanh công bố áp dụng theo Điều 5 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Điều 62 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, việc quản lý chất lượng máy, thiết bị nông nghiệp chưa được kiểm soát; người sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp chưa qua đào tạo[9]; nguy cơ tiềm ẩn tai nạn lao động trong sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp cao.

Công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong sử dụng, vận hành máy, thiết bị nông nghiệp; chế biến nông sản hầu hết chưa được quan tâm, nguy cơ tiềm ẩn tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cao.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Từng bước tạo cơ sở pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động và người sử dụng lao động trong vận hành máy, thiết bị nông nghiệp cũng như nâng cao công tác quản lý chất lượng thông qua việc định này phải bảo đảm chất lượng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn đã công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Giảm thiểu tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp trong nông nghiệp: Cùng với hội nhập kinh tế, các chuẩn mực về an toàn lao động, vệ sinh lao động sẽ được nâng lên. Vấn đề an toàn, vệ sinh lao động, điều kiện lao động, thời giờ làm việc đang trở thành một trong những hàng rào kỹ thuật trong xuất khẩu hàng hóa. Việc sử dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp ngoài những mặt tích cực là chủ yếu, nhưng cũng tiềm ẩn những nguy cơ cao về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

c) Giải pháp giải quyết vấn đề

Giải pháp 1:

---

[9]Đến nay, cả nước đã đào tạo được 2,84/3,0 triệu lao động nông thôn học nghề nông nghiệp (đạt 94,67% kế hoạch đề ra); số lao động có việc làm hoặc vẫn làm nghề cũ nhưng có thu nhập cao hơn sau khi được đào tạo là 2,79 triệu người (đạt 98,24% so với tổng số lao động được đào tạo); Số hộ gia đình có người tham gia học nghề thoát nghèo 65.515 hộ, số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhật khá 134.016 hộ; cả nước có khoảng 2.510 cơ sở tham gia công tác đào tạo; đã xây dựng được 140 khung chương trình, giáo trình và 32 kỹ năng nghề nông nghiệp.

- Người lao động sử dụng đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động; chấp hành các quy định của nhà nước về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và các quy định khác liên quan. Người sử dụng lao động phải bảo đảm điều kiện an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất; tổ chức huấn luyện, hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động.

- Các loại máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp; dây chuyền máy, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản được nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp trong nước phải bảo đảm chất lượng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn đã công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Giải pháp 2: Giữ nguyên hiện trạng (Nhà nước không can thiệp bằng việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật).

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế - xã hội: tác động đến người dân, doanh nghiệp

+ Tích cực: Nâng cao nhận thức cho người lao động và người sử dụng lao động thực hiện các quy định của nhà nước về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động trong sử dụng máy, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, góp phần giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong sản xuất nông nghiệp.

Các loại máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa góp phần đảm bảo an toàn cho người lao động trong sản xuất nông nghiệp.

+ Tiêu cực: Tăng ngân sách của nhà nước và các tổ chức, cá nhân để đáp ứng các yêu cầu về huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động trong sử dụng, vận hành máy, thiết bị nông nghiệp; chế biến nông sản. Kinh phí hỗ trợ dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2022-2025: 4.000 triệu đồng (bình quân mỗi năm 1.000 triệu đồng).

- Tác động về giới: Quy định đảm bảo quyền bình đẳng của nam, nữ; không hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Quy định thống nhất, cụ thể yêu cầu về đào tạo người sử dụng, về công bố các tiêu chuẩn áp dụng các loại máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp đảm bảo chất lượng trước khi sử dụng, góp phần giảm thiểu tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp bảo đảm an toàn lao động.

- Tiêu cực: Có thể có những thay đổi của chính sách mới cho phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay.

Giải pháp 2

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thời gian, nhân lực để xây dựng và phổ biến những quy định mới cũng như thời gian tìm hiểu, áp dụng các quy định.

+ Tiêu cực: Do chưa có quy định cụ thể về các điều kiện về đào tạo, an toàn máy, thiết bị nông nghiệp và chế biến nông sản vì vậy, nguy cơ tiềm ẩn tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp ngày càng tăng.

- Tác động về giới: Không hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở đánh giá các giải pháp nêu trên, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn Giải pháp 1 nhằm giảm thiểu tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp trong nông nghiệp.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ

3. Chính sách 3: Chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa; dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp

a) Xác định vấn đề bất cập

- Trong 10 năm trở lại đây, cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá nhưng chưa toàn diện, mới tập trung chủ yếu một số khâu như: làm đất, chăm sóc lúa, mía; thu hoạch lúa; một số khâu mức độ cơ giới hóa còn thấp như: cấy lúa, trồng cây, thu hoạch, sơ chế bảo quản, xử lý chất thải trong chăn nuôi.

- Khả năng đầu tư máy móc sản xuất của hộ nông dân còn hạn chế, thiếu hợp tác nên hiệu quả đầu tư thấp.Đối với các hộ làm dịch vụ cơ khí nông nghiệp, họ chỉ có thể tự mua sắm được loại máy kéo cỡ vừa trở xuống và các máy công tác kèm theo. Còn máy kéo cỡ lớn (trên 80 Hp) và các liên hợp máy phức tạp để cấy lúa, thu hoạch cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày cũng gặp những khó khăn về vốn.

- Một số địa phương đã ban hành chính sách hỗ trợ bằng nguồn ngân sách của địa phương nhưng còn hạn chế (về loại máy, thời gian).

- Cơ giới hóa thời gian qua mới giải quyết được một số khâu lao động nặng nhọc, cần nhiều lao động (như khâu làm đất, gặt lúa) và chủ yếu trong sản xuất lúa, chưa đồng bộ các khâu trong sản xuất nông nghiệp. Việc sử dụng đồng bộ các chủng loại máy móc cho các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, bất cập.

- Quy mô đồng ruộng nhỏ, chậm được cải tạo, kết cấu hạ tầng theo đó cũng không được phát triển đồng bộ. Đây là rào cản lớn nhất để đưa máy móc vào phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Người sử dụng vận hành máy nông nghiệp phần đông chưa được đào tạo, tập huấn các kiến thức cơ bản, hiệu quả sử dụng máy thấp và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn lao động.

- Các tổ chức dịch vụ sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị nông nghiệp chưa được hình thành và phát triển đáp ứng nhu cầu sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp ngày càng cao.

- Chế biến nông sản trong những năm gần đây đã góp phần làm chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu của ngành nông nghiệp và đóng góp quan trọng nâng cao kim ngạch xuất khẩu nông sản[10]. Tuy nhiên, khả năng chế biến đối với một số ngành hàng còn yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu, nhất là vào cao điểm mùa vụ như rau quả, gây tổn thất sau thu hoạch; tổn thất sau thu hoạch còn lớn (khoảng 10-20%) do thiếu cơ sở vật chất bảo quản đủ chất lượng; Sản phẩm sơ chế có giá trị gia tăng (GTGT) thấp (chiếm 70-85%), sản phẩm chế biến có GTGT cao chiếm khoảng 15-30%; Tổ chức liên kết sản xuất –sơ chế- chế biến và tiêu thụ còn lỏng lẻo, chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa công nghiệp chế biến với vùng nguyên liệu; Chính sách huy động, phân bổ nguồn lực cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản chưa có bước đột phá.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Nhằm khuyến khích áp dụng máy, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao mức độ cơ giới hóa ở từng khâu trong sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ nhằm thay đổi một cách căn bản phương thức sản xuất từ thủ công sang cơ giới với hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cao hơn.

- Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu của ngành nông nghiệp và đóng góp quan trọng nâng cao kim ngạch xuất khẩu nông sản; phát triển kinh tế khu vực nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết

Giải pháp 1:

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp, cơ giới hóa đồng bộ, chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

---

[10]Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Hội nghị trực tuyến về "Thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp" do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phú trủ trì ngày 21/2/2020;

- Hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp: Tổ chức, cá nhân được vay tối đa 100% giá trị máy, thiết bị, công nghệ; hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay không quá 3 năm (36 tháng).

- Hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp: Tổ chức, cá nhân đầu tư dây chuyền máy, thiết bị, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản được mức lãi suất hỗ trợ là 5%/năm, tính trên số dư nợ gốc vay tại các ngân hàng thương mại và thời hạn vay, bao gồm các hạng mục: Mua máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ yêu cầu cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; chi phí tư vấn lập dự án; đào tạo, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Quy định cụ thể về các điều kiện hỗ trợ và nguồn lực hỗ trợ, đảm bảo tính khả thi trong thực hiện.

Giải pháp 2: Không có chính sách hỗ trợ đầu tư máy, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản;

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; cùng với nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước đồng thời huy động được nguồn lực xã hội đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp;

Thúc đẩy hình thành các tổ chức kinh tế hợp tác, tham gia vào quá trình cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn.

Tạo diện mạo mới trong sản xuất nông nghiệp từ lao động thủ công sang sử dụng máy móc là chủ yếu, nâng cao năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp, giúp chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn sang công nghiệp và dịch vụ. Mặt khác, ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp mở ra các phương thức sản xuất mới, tạo ra sản phẩm trong những điều kiện phi truyền thống (thực hiện được nhiều kỹ thuật canh tác mới để nuôi, trồng những nông sản mới, thay đổi cơ cấu mùa vụ…) để thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu.

Thúc đẩy phát triển chế biến nông sản mang thương hiệu Quốc gia, có công nghệ bảo quản, chế biến tiên tiến, có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Tác động lan tỏa cao đến các ngành hàng khác còn nhiều dư địa, tiềm năng phát triển của Việt Nam.

Đẩy mạnh đầu tư hệ thống kho bảo quản nông sản và cơ sở hạ tầng logistics phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Góp phần kiểm soát, nâng cao công tác quản lý chất lượng máy, thiết bị trong nông nghiệp, chế biến nông sản. Người sử dụng lao động và người lao động trong vận hành, sử dụng máy, thiết bị dùng trong nông nghiệp, chế biến nông sản ngày càng được đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng và giá trị nông sản hàng hóa thông qua việc khuyến khích đầu tư cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến bảo quản, chế biến và chế biến sâu sản phẩm.

Ước tính với mức giảm tổn thất sau thu hoạch 10%/năm so với mức tổn thất hiện tại và mức tăng giá trị gia tăng 3%/năm đối với nông sản hàng hóa, giá trị tăng thêm của sản xuất nông nghiệp đạt đến 25.875 tỷ đồng/năm[11] .

+ Tiêu cực: Trong bối cảnh năng lực chế tạo cơ khí trong nước còn hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất nông nghiệp cả về số lượng và chất lượng, việc hỗ trợ đầu tư cả máy do nước ngoài sản xuất phần nào chưa phát huy được nội lực. Tuy nhiên vấn đền này từng bước sẽ có điều chỉnh hợp lý.

Tăng ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp thực hiện mục tiêu cơ giới hóa đồng bộ, chế biến nông sản. Kinh phí dự kiến (gói tín dụng cho vay) triển khai thực hiện trong giai đoạn 2022-2025: 40.000.000 triệu đồng. đồng (bình quân mỗi năm 10.000.000 triệu đồng).

- Tác động về giới: Quy định không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Bảo đảm tính hợp hợp hiến, hợp pháp.

Giải pháp 2

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thời gian, nhân lực để xây dựng và phổ biến những quy định mới cũng như thời gian tìm hiểu, áp dụng các quy định

+ Tiêu cực: Nhiều chính sách, quy định về cơ giới hóa nông nghiệp không thể triển khai hoặc triển khai không hiệu quả nếu không quy định cụ thể điều kiện, trình tự hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.

- Tác động về giới: Không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

---

[11] GDP VN 2020: 252,3 tỷ USD, tăng 2,91% so với năm 2019 (245,2 tỷ USD), trong đó khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 14,85%, khoảng 37,5 tỷ USD, tương đương 826.500 tỷ đồng.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở đánh giá các giải pháp nêu trên, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp 1.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

4. Chính sách 4: Hỗ trợ Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp

a) Xác định vấn đề bất cập

Đối với các vùng miền sản xuất nông nghiệp việc hình thành các tổ chức liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp trong đó nhà doanh nghiệp là nòng cốt được xem là xu thế phát triển tất yếu của nền nông nghiệp hiện đại và bền vững.

Liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp trong đó nhà doanh nghiệp làm nòng cốt còn hạn chế. Vì vậy, việc hình thành các Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp là cần thiết.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hình thành các Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế tại các địa phương, vùng miền, làm động lực thúc đẩy cơ giới hóa nông nghiệp tại các vùng, địa phương trong cả nước.

- Hình thành chuỗi liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp, trong đó nhà doanh nghiệp là nòng cốt làm đầu mối thực hiện hoặc điều phối các tổ chức (dự án phát triển, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), cá nhân trong và ngoài nước nhằm thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết

Giải pháp 1:

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp về đầu tư máy, thiết bị công nghệ; các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ, Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp còn được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước khi thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương.

Được miễn bốn (04) năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày được cấp đăng ký hoạt động và hưởng mức thuế giá trị gia tăng (VAT) bằng không phần trăm (0%)[12] đối với các hàng hóa, dịch vụ của Trung tâm khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ: Cung cấp vật tư, máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp; các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, cơ giới hóa, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ về cơ giới hóa nông nghiệp; ứng dụng máy, thiết bị, công nghệ trong xử lý phụ phẩm nông nghiệp. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ

[12] Quy định này áp dụng theo Khoản 2, 3 Điều 4; điểm a, b,c Khoản 1 và điểm d, đ Khoản 2 Điều 13 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ngày 15/07/2020) và Khoản 1 Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng sô 13/2008/QH12.

năng nghề phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với cơ giới hóa và cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp. Xây dựng các mô hình trình diễn, giới thiệu quảng bá máy, thiết bị, công nghệ nông nghiệp; dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- *Lý do lựa chọn:*

+ Khuyến khích đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ ở các địa phương trong vùng.

+ Hình thành chuỗi liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp trong đó nhà doanh nghiệp là nòng cốt làm đầu mối thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp.

+ Huy động nguồn lực các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư.

Giải pháp 2: Không có chính sách khuyến khích, hỗ trợ

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp thực hiện hoặc làm đầu mối liên kết các tổ chức, cá nhân cùng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp ở các địa phương, vùng, miền. Hình thành chuỗi liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp trong đó nhà doanh nghiệp là nòng cốt làm đầu mối thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp. Huy động nguồn lực các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư.

+ Tiêu cực: Tăng ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư (vốn tín dụng cho vay) dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2025: 40.000 triệu đồng (bình quân 10.000 triệu đồng/năm)

- Tác động về giới: Quy định không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Bảo đảm tính hợp hợp hiến, hợp pháp.

Giải pháp 2

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thời gian, nhân lực để hình thành các trung tâm

+ Tiêu cực: Không huy động tiềm năng vốn cũng như chuỗi liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở đánh giá các giải pháp nêu trên, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp 1.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp:

1. Việc lấy ý kiến góp ý

- Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp gửi lấy ý kiến 11 Bộ, ngành, gồm các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại giao, Tài chính, Nội vụ, Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Lao động Thương binh và XH; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (*Văn bản số 8214/BNN-KTHT ngày 26/11/2020 và 9144/BNN-KTHT ngày 28/12/2020).*

- Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp được đăng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để lấy ý kiến rộng rãi từ ngày 27/11/2020 đến ngày 27/12/2020 Bộ không nhận được ý kiến tham gia góp ý.

2. Tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo và giải trình bằng văn bản

Các ý kiến góp ý được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo báo cáo đánh giá tác động chính sách *(Bảng tổng hợp gửi kèm theo)*.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định trách nhiệm tại Nghị định có nhiệm vụ kiểm tra, tổng kết đánh giá. Hàng năm, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, đánh giá về những mặt được, chưa được để điều chỉnh phù hợp với thực tế, đảm bảo Nghị định thực sự phát huy hiệu quả, cụ thể:

1. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Nghị định này. Quản lý nhà nước về chất lượng máy, thiết bị, công nghệ nông nghiệp; hướng dẫn đánh giá mức độ cơ giới hóa; trình độ, năng lực công nghệ chế biến nông sản; các tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch vốn đầu tư trung hạn để thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này. Cân đối, bố trí vốn chi đầu tư phát triển hàng năm của ngân sách Nhà nước để thực hiện chính sách quy định Nghị định này.

c) Bộ Tài chính: Chủ trì bố trí vốn để thực hiện chính sách, hướng dẫn việc thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất sau đầu tư quy định Nghị định này. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, cân đối, lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Chủ trì tổng hợp nhu cầu cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định này trong kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm, lập báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phối hợp để phân bổ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương theo kế hoạch trung hạn và hàng năm.Chỉ đạo các ngân hàng thương mại thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định này. Phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện và xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định này.

đ) Bộ Khoa học và Công nghệ:Phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, tổ chức đánh giá mức độ cơ giới hóa, trình độ và năng lực công nghệ chế biến nông sản; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp. Đặt hàng cho các Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp tham gia Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia về nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp.

e) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong sử dụng máy, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chương trình đào tạo, huấn luyện nghề trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp cho lao động nông thôn.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này tại địa phương, hằng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện.

- Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội, ngân sách địa phương và trên cơ sở các chính sách quy định của trung ương, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp. Huy động các nguồn lực hợp pháp khác để hỗ trợ thực hiện cơ giới hóa và cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Phê duyệt các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền. Chỉ đạo các Sở, ngành chức năng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 11 và khoản 5 Điều 13 Nghị định này. Phối hợp với các tỉnh, thành xây dựng các trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp vùng.

V. PHỤ LỤC

1. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện

a) Dự kiến tổng số kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại dự thảo Nghị định trong giai đoạn 2022 - 2025 khoảng 70.000.000 triệu đồng; trong đó:

- Vốn vay tín dụng khoảng 2022 - 2025: Khoảng 50.000.000 triệu đồng[13];

- Vốn của các tổ chức, cá nhân: Dự kiến khoảng 20.000.000 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước thông qua lãi suất ước khoảng 10% của nguồn vốn tín dụng cho vay khoảng 50.000.000 triệu đồng; miễn thuế TNDN, VAT của Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp *(có phụ lục khái toán kinh phí chi tiết kèm theo).*

b) Nội dung hỗ trợ

Nhà nước hỗ trợ lãi suất mua máy móc, thiết bị và các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, miễn miễn thuế TNDN, VAT của Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp

2. Dự kiến tác động

Chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa qui mô lớn, hình thành các tổ chức kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo diện mạo mới trong sản xuất nông nghiệp từ lao động thủ công sang sử dụng máy móc là chủ yếu, nâng cao năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp, giúp chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn sang công nghiệp và dịch vụ.

Mặt khác, ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp mở ra các phương thức sản xuất mới, tạo ra sản phẩm trong những điều kiện phi truyền thống (thực hiện được nhiều kỹ thuật canh tác mới để nuôi, trồng những nông sản mới, thay đổi cơ cấu mùa vụ…) để thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; cùng với nguồn lực hỗ trợ của nhà nước đồng thời huy động được nguồn lực xã hội khoảng 20.000.000 triệu đồng đầu tư cho cơ giới hóa nông nghiệp.

---

[13] Sau hơn 6 năm thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg doanh số cho vay đạt hơn 12.000 tỷ đồng cho khoảng 37.8000 khách hàng vay mua máy móc, thiết bị nông nghiệp

Thúc đẩy phát triển liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu quốc gia, với công nghệ bảo quản, chế biến tiên tiến, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Tác động lan tỏa cao đến các ngành hàng khác còn nhiều dư địa, tiềm năng phát triển của Việt Nam.

Giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng và giá trị nông sản hàng hóa thông qua việc khuyến khích đầu tư cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến bảo quản, chế biến và chế biến sâu sản phẩm. Ước tính với mức giảm tổn thất sau thu hoạch 10%/năm so với mức tổn thất hiện tại và mức tăng giá trị gia tăng 3%/năm đối với nông sản hàng hóa, giá trị tăng thêm của sản xuất nông nghiệp khoảng 25.000 tỷ đồng/năm[14] .

Đối với các trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp điều phối và cung ứng các dịch vụ cơ giới hóa trong vùng, địa phương, khuyến khích đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ tại các địa phương trong vùng, miền. Hình thành chuỗi liên kết sản xuất giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp, trong đó nhà doanh nghiệp là nòng cốt làm đầu mối thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp; đồng thời, huy động được nguồn lực các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KTHT.

Trần Thanh Nam

[14] GDP VN 2020: 252,3 tỷ USD, tăng 2,91% so với năm 2019 (245,2 tỷ USD), trong đó khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 14,85%, khoảng 37,5 tỷ USD, tương đương 826.500 tỷ đồng.

Phụ lục

KHÁI TOÁN NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

(Kèm theo báo cáo đánh giá tác động chính sách số BNN-KTHT ngày tháng năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nội dung	Vốn tín dụng 2022-2025 *(triệu đồng)*	Vốn ngân sách 2022-2025 *(triệu đồng)*
1	Tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Nghị định Dự kiến 200 triệu đồng/năm		800
2	Kinh phí dự kiến (gói tín dụng cho vay) triển khai thực hiện trong giai đoạn 2022-2025: 50.000 tỷ đồng.	50.000.000[15]	
3	Vốn của các tổ chức, cá nhân: Khoảng 20.000.000 triệu đồng;	20.000.000	
4	Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước thông qua lãi suất ước khoảng 10% của 50.000.000 triệu đồng; miễn thuê TNDN, VAT của Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp*		5.000.000
	Tổng cộng	**70.000.000**	**5.000.800**

* Dự kiến doanh thu của Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp khoảng 200 tỷ

[15] [15] Sau hơn 6 năm thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg doanh số cho vay đạt hơn 12.000 tỷ đồng cho khoảng 37.8000 khách hàng vay mua máy móc, thiết bị nông nghiệp